TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 9 – AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 54/2025/DS-ST
Ngày: 21 tháng 8 năm 2025
V/v "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 - AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Phương.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thanh Vân và Bà Đặng Thị Mỹ Hường.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Kim Nhuần - là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 9 – An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - An Giang tham gia phiên tòa: Ông Hồ Duy Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 08 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 9 – An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 310/2025/TTST-DS ngày 25 tháng 04 năm 2025, về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2025/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 7 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số: 97/2025/QĐST-DS, ngày 01 tháng 08 năm 2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị N, sinh năm 1956. Địa chỉ: số 9, khóm III, thị trấn ML, huyện CN (nay là xã CN), tỉnh VL (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền cho bà N: Ông Trần Duy P, sinh năm 1997. Địa chỉ: số 95B/2 ấp TM 1, xã VT, huyện LV, (nay là xã LV), tỉnh ĐT. Tạm trú: số 254A/TĐ ấp TĐ, xã TT, huyện LV, (nay là xã LV) tỉnh ĐT. (Theo Giấy ủy quyền lập ngày 23/08/2024 tại Uỷ Ban nhân dân xã TT, huyện LV, (nay là xã LV), tỉnh ĐT), (có yêu cầu vắng mặt).

2. Bị đơn: Bà Phan Thị X, sinh năm 1960. Địa chỉ: tổ 5, ấp MA 1, xã MHH, thành phố LX (nay là xã MHH), tỉnh AG (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình tố tụng ông Trần Duy P trình bày:

Năm 2009 - 2010 bà Lê Thị N có bán các loại cá, tôm khô cho bà Phan Thị X làm nguyên liệu, thức ăn thủy sản, phương thức thanh toán nhận hàng sẽ trả tiền. Quá trình mua bán, bà X còn nợ 162.042.000đ chưa thanh toán mặc dù bà N đã nhiều lần liên hệ, bà X hứa hẹn nhưng không trả. Do đó, bà N khởi kiện yêu cầu bà X trả số tiền còn nợ 162.042.000đ và lãi suất chậm trả 0,83%/tháng,

tính từ ngày 15/01/2010 đến ngày 15/04/2025 (183 tháng) tạm tính 246.125.000 đồng và lãi chậm trả được tính tiếp tục cho đến ngày Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết xong vụ án, tổng cộng 408.167.000đ.

Bà Phan Thị X vắng mặt không có ý kiến trình bày.

Tại phiên tòa: Ông P có yêu cầu vắng mặt, bà X vắng mặt.

Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – An Giang:

Về thủ tục tố tụng: Quá trình tố tụng và tại phiên tòa những người tiến hành tố tụng thực hiện đúng quy định. Nguyên đơn thực hiện đúng quy định pháp luật, bị đơn không thực hiện đúng quy định pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX chấp nhận một phần, đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà N, buộc bà X thanh toán số tiền còn nợ lại và trả tiền lãi theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục: Bà Lê Thị N do ông Trần Duy P đại diện theo ủy quyền có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bà Phan Thị X vắng mặt không lý do, không có yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án.

[2] Bà N yêu cầu bà X trả số tiền mua bán còn lại chưa thanh toán và tính lãi theo quy định pháp luật. Căn cứ khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 430 Bộ luật Dân sự 2015, quan hệ pháp luật tranh chấp là hợp đồng mua bán tài sản. Bị đơn cư trú: xã MHH, tỉnh AG. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền Tòa án nhân dân khu vực 9 – AG.

[3] Về nội dung vụ án: Xét tài liệu, chứng cứ, ý kiến trình bày của đương sự, yêu cầu khởi kiện, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Theo Phiếu mua hàng – Khu nuôi cá BL tại MA 1, MHH, thành phố LX, (nay là xã MHH), tỉnh AG ngày 07/07/2009 (BL19) thể hiện bà Phan Thị X ký tên ghi rõ họ tên mua hàng của Chị 3 Nhị - TV xác định là bà Lê Thị N (nguyên đơn) có thỏa thuận mua bán cá, tôm khô. Tại trang 2 (mặc sau) của Phiếu mua hàng bà X ký tên ghi họ tên còn nợ 162.042.000đ. Phía bà N xác định đến nay bà X chưa thanh toán. Theo yêu cầu khởi kiện, bà X không có ý kiến trình bày. Hội đồng xét xử nhận thấy, các bên có thỏa thuận mua bán, bà X còn nợ lại số tiền đến nay chưa thanh toán nên phải có nghĩa vụ trả tiền 162.042.000đ cho bà N là phù hợp quy định tại Điều 430, 440 Bộ luật Dân sự 2015.

[4] Về tiền lãi: Bà N yêu cầu bà X có nghĩa vụ trả số tiền lãi với mức suất 0.83%/tháng, tính từ ngày 15/01/2010 đến ngày 15/04/2025, thành tiền

246.125.000đ (làm tròn) và lãi chậm trả được tiếp tục tính cho đến ngày Tòa án giải quyết vụ án (tạm tính). Hội đồng xét xử nhận thấy: Bà X yêu cầu tính lãi theo quy định pháp luật từ ngày 15/01/2010. Do đó, căn cứ Điều 476 Bộ luật Dân sự năm 2005 để giải quyết với mức lãi suất 9%/năm (0,75%/tháng), thời gian tính từ 15/01/2010 đến 31/12/2016 và căn cứ khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 để giải quyết với mức lãi suất 10%/năm (0,83%/tháng), thời gian tính từ 01/01/2017 đến 21/08/2025). Số tiền lãi được tính:

-162.042.000đ x 0,75%/tháng x 83 tháng 15 ngày (từ 15/01/2010 đến 31/12/2016. Thành tiền: 101.479.000đ.

-162.042.000đ x 0,83%/tháng x 99 tháng 15 ngày (từ 31/12/2016 đến 21/08/2025. Thành tiền: 134.360.000đ.

Tông cộng lãi 235.839.000đ (134.360.000đ + 101.479.000đ), như vậy chỉ có căn cứ chấp nhận tiền lãi 235.839.000đ, không chấp nhận yêu cầu tính lãi 10.286.000đ (246.125.000đ – 235.839.000đ). Tổng số tiền vốn, lãi: 397.881.000đ (235.839.000đ + 162.042.000đ)

[5] Trong toàn bộ quá trình giải quyết, bà X vắng mặt không cung cấp tài liệu, chứng cứ không có ý kiến trình bày và không đưa ra yêu cầu phản tố đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên không có căn cứ xem xét, phải chịu hậu quả pháp lý theo quy định pháp luật.

[6] Từ những phân tích trên, có căn cứ buộc bà X có nghĩa vụ thanh toán cho bà N tổng số tiền 397.881.000đ, không chấp nhận một phần yêu cầu tính lãi với số tiền 10.286.000đ.

[7] Về án phí: bà N là người cao tuổi, có đơn yêu cầu nên được miễn án phí; bà X nộp án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, 179, 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; 233, 271, 273, 278, 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Điều 305, 476 Bộ luật Dân sự năm 2005

Điều 357, 430, 440, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị N đối với bà Phan Thị X:

+ Buộc bà Phan Thị X có nghĩa vụ thanh toán cho bà Lê Thị N số tiền 397.881.000đ. Trong đó, tiền vốn 162.042.000đ, tiền lãi 162.042.0000đ

+ Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị N đối với bà Phan Thị X yêu cầu tính lãi với số tiền 10.286.000đ.

-Về án phí: Bà Lê Thị N được miễn án phí. Bà Phan Thị X nộp số tiền 19.894.050đ tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

- Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án không trả số tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải chịu lãi suất theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

- Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

- Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

(Đã giải thích Điều 26 Luật Thi hành án)

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND KV9-AG;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Phương

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**